TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1523/2018/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 616/2008/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2008, về việc "Tranh chấp thừa kế".

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án "chia thừa kế theo di chúc" là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn H** – sinh năm 1976.
Địa chỉ: 84/19A Đường N, Phường M, Quận N, Thành phố H.

Bị đơn: Ông **Nguyễn H1** – sinh năm 1959 (chết năm 2012).
Địa chỉ: 671 Đường T, Phường M, Quận N, Thành phố H.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H1:

1. Bà **Đoàn Hồng H2** – sinh năm 1964 (chết năm 2014).

2. Bà **Nguyễn Hải Y** – sinh năm 1987.

3. Ông **Nguyễn D** – sinh năm 1989.

4. Bà **Nguyễn Phương A** – sinh năm 1993.
Cùng địa chỉ: 671 Đường T, Phường M, Quận N, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hải Y và bà Nguyễn Phương A: Ông **Nguyễn D** – sinh năm 1989 (theo hợp đồng ủy quyền có số công chứng 021226, quyển số 07 lập ngày 12/7/2012 tại Phòng công chứng Nhà nước số H, Thành phố H).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn T** – sinh năm 1945 (chết năm 1991).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn T:

1.1 Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1951.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Luật sư **Nguyễn Thành C** – Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

1.2 Bà **Nguyễn Thị Bích T** – sinh năm 1973.

1.3 Bà **Nguyễn Thị Bích V** – sinh năm 1975.

1.4 Bà **Nguyễn Thị Bích U** – sinh năm 1981.
Cùng địa chỉ: 671B Đường T, Phường M, Quận N, Thành phố H.

2/ Ông **Nguyễn H3** – sinh năm 1950 (chết năm 1977).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn H3:

2.1. Ông **Nguyễn H**– sinh năm 1976.

2.2 Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1953.

2.3 Bà **Nguyễn Thị Hồng H** – sinh năm 1973.
Cùng địa chỉ: 84/19A Đường N, Phường M, Quận N, Thành phố H.

3/ Ông **Nguyễn T1** – sinh năm 1947 (chết năm 2000).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn T1:

3.1 Bà **Lê Thị L1** – sinh năm 1951 (chết năm 2014).

3.2 Bà **Nguyễn Thị Khuê B** – sinh năm 1974.

3.3 Bà **Nguyễn Thị Diễm T** – sinh năm 1975.

3.4 Bà **Nguyễn Thị Bảo C** – sinh năm 1978.

3.5 Bà **Nguyễn Thị Ngọc P** – sinh năm 1981.

3.6 Ông **Nguyễn T2** – sinh năm 1984.
Cùng địa chỉ: 49/23/9 đường B, Phường M2, quận G, Thành phố H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Khuê B, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Bảo C và bà Nguyễn Thị Ngọc P: Ông **Nguyễn T2** – sinh năm 1984 (theo hợp đồng ủy quyền có số công chứng 029126, quyển số 10 lập ngày 30/10/2015 tại Văn phòng công chứng H).

4/ Bà **Nguyễn Thị A (Madam Tran)** – sinh năm 1943.
Địa chỉ: 200 AMD Esc K, Porte 47 92120 M Cộng hòa P.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A (Madam Tran): Ông **Nguyễn H** – sinh năm 1976 (theo giấy ủy quyền lập ngày 25/9/2018 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa P).

5/ Bà **Nguyễn Thị H4 (**Cao H4 Nguyen**)** – sinh năm 1948.
Địa chỉ: 2705 DR Dr. SS, MD 20904 Quốc gia H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H4 (Cao H4 Nguyen): Ông **Nguyễn H** – sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền có số chứng thực 005368, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 31/01/2008 tại Phòng công chứng Nhà nước số H, Thành phố H).

6/ Bà **Nguyễn Thị H5 (**H5 Nguyen **)** – sinh năm 1952.
Địa chỉ: 13611 CCLC, Va 20151 Quốc gia H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen): Ông **Nguyễn H** – sinh năm 1976 (Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 05/9/2008 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Quốc gia H).

7/ Bà **Nguyễn Thị L2 (**L2 Nguyen**)** – sinh năm 1953.
Địa chỉ: 5028 North CS Rd Arlington, Va 22203 Quốc gia H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen): Ông **Nguyễn H** – sinh năm 1976 (Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 05/9/2008 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Quốc gia H).

8/ Bà **Nguyễn Thị M (**M Nguyen**)** – sinh năm 1956.
Địa chỉ: 9325 O street SS, MD 20901 Quốc gia H.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M (M Nguyen): Ông **Nguyễn D** – sinh năm 1989 (theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 26/9/2018 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Quốc gia H).

9/ Ông **Đặng Hoàng V** – sinh năm 1963.
Địa chỉ thường trú: 338J1 Đường T, Phường B, Quận S, Thành phố H.
Địa chỉ liên lạc: 91A đường P, Phường M1, Quận N, Thành phố H.

10/ Ông **Phạm Duy L** – sinh năm 1964.
Địa chỉ: 804 Lô B đường L, Phường N, Quận M1, Thành phố H.

11/ Ông Trần Quốc T – sinh năm 1962.
Địa chỉ: 23/54 đường K, phường A, quận B, Thành phố H.

II/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chúng tôi cùng thỏa thuận, thống nhất ý chí và đồng ý thực hiện các nội dung cụ thể sau đây:

1/ Theo bản vẽ hiện trạng năm 2010 được lập theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Thành phố H đã được Phòng quản lý đô thị Quận N, Thành phố H kiểm tra nội nghiệp ngày 15 tháng 01 năm 2010 thì hiện trạng sử dụng nhà số 671 Đường T, Phường M, Quận N, Thành phố H có tổng diện tích nhà và đất là 1551,92m^2. Trong tổng diện tích này có một phần nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Lê Thị L3 (hồ sơ gốc số 16078/2002 ngày 10/7/2002) với phần diện tích đất ở là 154,58m^2. Như vậy, tổng diện tích đất còn lại là 1397,34m^2. Chúng tôi xác định khối di sản do mẹ, bà chúng tôi là Trần Thị N khi chết để lại chia thừa kế theo di chúc tại nhà số 671 đường Đường T, Phường M, Quận N, Thành phố H còn lại diện tích 1397,34m^2.

2/ Chúng tôi cũng thống nhất và đồng ý với biên bản định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản lập ngày 29/12/2017. Theo đó, giá trị một mét vuông đất tại thời điểm định giá là 145.000.000 đồng. Giá trị này sẽ được tạm tính làm cơ sở phân chia kỷ phần, nộp thuế và tính án phí dân sự theo quy định. Sau này, khi thực hiện xong việc bán tài sản hoặc chuyển nhượng nhà đất, mỗi kỷ phần sẽ nhận giá trị tương ứng với giá thực tế (tính theo tỷ lệ phần trăm được hưởng trên giá trị tạm tính).

3/ Là đối tượng được hưởng di sản thừa kế theo di chúc, chúng tôi tôn trọng bản di chúc do mẹ, bà chúng tôi là bà Trần Thị N lập ngày 30/10/2002 tại Phòng công chứng Nhà nước số H, Thành phố H. Bản di chúc có số công chứng 032116, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD. Phần diện tích nhà đất được ghi trong bản di chúc lập ngày 30/10/2002 căn cứ theo bản đồ hiện trạng vị trí lập năm 1993, đã được bà Trần Thị N kê khai di sản có sai số so với đo đạc thực tế; Chúng tôi đồng ý với phần diện tích nhà đất được đo vẽ lại vào năm 2010 và được cơ quan chức năng tại địa phương kiểm tra nội nghiệp.

4/ Những người được hưởng thừa kế căn nhà số 671, Đường T, Phường M, Quận N, Thành phố H đã được ghi rõ trong "Tờ di chúc" lập ngày 30/10/2002 tại Phòng công chứng Nhà nước số H, Thành phố H.

Căn cứ bản đồ hiện trạng vị trí nhà đất sau khi được đo vẽ lại vào năm 2010 có thay đổi về diện tích nhà đất được phân chia, căn cứ kết quả định giá tài sản làm cơ sở tạm tính quyền lợi. Chúng tôi thống nhất và nhất trí cách tính cho từng kỷ phần như sau:

A/ Phần thứ nhất: Ông Nguyễn H1 (đã chết), các thừa kế của ông Nguyễn H1 được chia 345,45m^2 đất; giá trị tạm tính 50.090.250.000 đồng.

B/ Phần thứ hai:

- Ông Nguyễn T (đã chết), các thừa kế của ông Nguyễn T được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

- Ông Nguyễn H3 (đã chết) các thừa kế của ông Nguyễn H3 được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H4 (Cao H4 Nguyen) được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị A (Madam Tran) được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen) được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen) được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị M (M Nguyen) được nhận 150,27m^2; giá trị tạm tính 21.789.150.000 đồng.

5/ Căn cứ theo Hợp đồng ủy quyền do bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen) lập ngày 05/9/2008 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Quốc gia H.

Căn cứ theo hợp đồng ủy quyền do bà Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen) lập ngày 05/9/2008 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Quốc gia H.

Căn cứ theo hợp đồng ủy quyền do bà Nguyễn Thị M (M Nguyen) lập ngày 26/9/2018 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Quốc gia H.

Căn cứ theo giấy ủy quyền do bà Nguyễn Thị A (Madam Tran) lập ngày 25/9/2018 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa P.

Căn cứ bản cam kết do ông Nguyễn H lập tại Văn phòng công chứng H ngày 11/7/2018, ngày 10/9/2018 và ngày 26/9/2018.

Căn cứ bản cam kết do ông Nguyễn D lập tại Văn phòng công chứng H ngày 11/7/2018, ngày 10/9/2018.

Tại phiên hòa giải, các thừa kế được hưởng di sản theo di chúc của bà Trần Thị N đồng ý cử người đại diện cho các thừa kế vắng mặt tại Việt Nam gồm các bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen); Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen); Nguyễn Thị A (Madam Tran); Nguyễn Thị M (M Nguyen). Theo đó:

Ông Nguyễn H là người đại diện theo ủy quyền của các bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen), Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen), Nguyễn Thị A (Madam Tran) sẽ được tạm quản lý kỷ phần thừa kế được chia theo phần của từng thừa kế như đã được ghi tên phần trên.

Ông Nguyễn D là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M (M Nguyen) sẽ được tạm quản lý kỷ phần thừa kế được chia theo phần của người có tên trên.

Ông Nguyễn Hân, ông Nguyễn D nhận trách nhiệm tạm quản lý kỷ phần thừa kế của các bà các bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen); Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen); Nguyễn Thị A (Madam Tran); Nguyễn Thị M (M Nguyen) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tài sản được tạm giao gửi giữ.

Căn cứ giấy ủy quyền có số chứng thực 005368, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 31/01/2008 tại Phòng công chứng Nhà nước số H, Thành phố H, kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị H4 (Cao H4 Nguyen) do ông Nguyễn H quản lý.

6/ Căn cứ theo quy định của pháp luật về thừa kế hiện hành, các thừa kế là người có công lao trông coi, gìn giữ tài sản trong tổng khối di sản được phân chia theo di chúc hoặc là người đại diện cho các đương sự ở nước ngoài đều thống nhất ý chí trích ra 5% (năm phần trăm) trong từng kỷ phần thừa kế tạm tính của 04 (bốn) cá nhân gồm: Bà Nguyễn Thị A (Madam Tran) định cư tại Cộng hòa P; bà Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen), bà Nguyễn Thị M (M Nguyen), bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen) đều đang định cư tại Quốc gia H với tổng số tiền được trích tạm tính bằng 4.344.851.085 đồng. Số tiền này dùng để hỗ trợ di dời chỗ ở cho gia đình bà Nguyễn Thị H 2.000.000.000 đồng, hỗ trợ tặng cho thêm gia đình ông Nguyễn T2 2.000.000.000 đồng. Số tiền hỗ trợ này bà H cùng ông T2 sẽ được nhận ngay sau khi thực hiện xong việc mua bán, chuyển nhượng căn nhà và chia theo kỷ phần; còn lại bao nhiêu các thừa kế sử dụng cho các khoản chi phí dịch vụ, tố tụng theo quy định của pháp luật.

7/ Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án này gồm ông Đặng Hoàng V, ông Phạm Duy L và ông Trần Quốc T có tranh chấp về "Hợp đồng đặt cọc" đối với cá nhân ông Nguyễn H1 (đã chết); Căn cứ vào bản cam kết lập ngày 24/8/2018 tại Văn phòng công chứng H, ông Nguyễn D là người đại diện cho các thừa kế của ông Nguyễn H1 xin chịu trách nhiệm cá nhân giải quyết những tranh chấp có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cha của mình; Phần tranh chấp này sẽ được tách riêng giải quyết trong vụ án khác khi các ông V, L, T có yêu cầu.

8/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi kỷ phần được nhận thừa kế theo di chúc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị thực nhận theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

9/ Sau khi có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại Tòa án, các thừa kế được nhận thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị N thống nhất ý chí ủy quyền cho ông Nguyễn D với tư cách là người đại diện cho các thừa kế đứng tên trên các văn bản giao dịch hoặc ký hợp đồng dịch vụ với các

công ty thẩm định giá, cần thiết có sự hỗ trợ thêm của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Bích V. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần thẩm định giá T - S.
Địa chỉ: 34 đường H, Phường B, quận T, Thành phố H.

- Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn Q - V.
Địa chỉ trụ sở: 88/7 đường T, Phường M7, quận B, Thành phố H.
Địa chỉ văn phòng giao dịch: Lầu 9, tòa nhà V, 68 đường N, Quận M, Thành phố H.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Thẩm định giá A.
Địa chỉ: 54 Đường số 56, phường B, Quận H, Thành phố H.

Để tiến hành các thủ tục đăng ký, lập chứng thư thẩm định giá tại các công ty này trong thời hạn 30 ngày. Khi có chứng thư thẩm định giá khối di sản sẽ được các bên rao bán và bán cho người trả giá mua cao nhất trong thời hạn 45 ngày. Thời hạn chuyển nhượng và phân chia kỷ phần không quá 75 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sau thời hạn 75 ngày mà đa số các đương sự đồng ý kéo dài thời hạn bán khối di sản thừa kế thì thời hạn chuyển nhượng và phân chia kỷ phần được kéo dài theo thời hạn thỏa thuận chung. Khối di sản sẽ được các bên bán cho người trả giá mua cao nhất trong thời gian kéo dài.

III/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.894.575 đồng (*Sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)*; nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ông Nguyễn H đại diện cho các thừa kế trên đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 006335 ngày 04/11/2008 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn H còn phải nộp tiếp số tiền 55.894.575 đồng *(Năm mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy lăm đồng).*

Ông Nguyễn D, bà Nguyễn Hải Y và bà Nguyễn Phương A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 79.045.125 đồng (*Bảy mươi chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm hai mươi lăm đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích V và bà Nguyễn Thị Bích U phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.894.575 đồng (*Sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị H4 (Cao H4 Nguyen) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.894.575 đồng (*Sáu mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị A (Madam Tran) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.349.846 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị H5 (H5 Nguyen) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.349.846 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị L2 (L2 Nguyen) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.349.846 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị M (M Nguyen) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.349.846 đồng (*Sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng)*, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

IV/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Các đương sự (23)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

THẨM PHÁN

Đỗ Giang